

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

324.259 707 509 597 75

ĐC

B 108 C

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA VI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
LẦN THỨ VII
NHIỆM KỲ 2001 - 2005**

(Dự thảo lần 4)

THÁNG 9 NĂM 2000

324.259 707 505 597 03
5108C 00110

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

**ĐẠO CẢO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA VI
TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
LẦN THỨ VII
NHIỆM KỲ 2001 - 2005**

(Dự thảo lần 4)

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
SÁCH TẶNG

20211ĐCIVV

001720

THÁNG 9 NĂM 2000

940

TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

* * *

(DỰ THẢO LẦN 4)

Biên Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2000

**TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, GIỮ VỮNG
ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ, PHÁT HUY NỘI LỰC,
ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA,
XÂY DỰNG ĐỒNG NAI GIÀU ĐẸP, VĂN MINH**

**(BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VI**

**TẠI ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
LẦN THỨ VII**

NHIỆM KỲ 2001- 2005)

5 năm 1996 - 2000 là giai đoạn có ý nghĩa rất quan trọng của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quán triệt Nghị Quyết Đại hội VIII của Đảng, căn cứ vào tình hình chung của cả nước và ở tỉnh, Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VI đã đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1996 - 2000 là: *“Giữ vững và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó*

khăn, thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề về văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thực hiện đầy đủ công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ 21"

Những năm qua, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở các nước thuộc khu vực Châu Á đã tác động xấu đến kinh tế nước ta. Bên cạnh đó các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" hòng phá hoại sự nghiệp đổi mới của Đảng ta. Tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh vẫn còn khó khăn: Thời tiết diễn biến thất thường; hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa nội địa thấp; quản lý kinh tế - xã hội nhiều mặt chưa tốt, chưa theo kịp theo yêu cầu

đổi mới; còn nhiều vấn đề bức xúc về vốn, thị trường, việc làm cho người lao động, thực hiện chính sách xã hội và phải giải quyết các vấn đề tệ nạn xã hội khác. Tuy nhiên, với tinh thần tự lực, tự cường, kiên định mục tiêu Xã hội Chủ Nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã tích cực phát huy những thành tích đạt được, nỗ lực vượt qua khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ Tỉnh Đồng Nai lần này có nhiệm vụ phát huy trí tuệ tập thể toàn Đảng bộ, tổng kết các hoạt động lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá đúng những kết quả đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu, trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng “tăng cường đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, phát huy nội lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Đồng Nai giàu đẹp, văn minh”.

Với yêu cầu và mục tiêu đó, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VI, xin trình trước Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nội dung báo cáo chính trị sau đây:

PHẢI THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI

I-NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC:

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối chung và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 1996- 2000, đến nay chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng :

1- Đã nỗ lực vượt qua khó khăn, duy trì nhịp độ tăng trưởng, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, thiết lập nền tảng vật chất, tinh thần quan trọng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng 12% (cả nước tăng 6,7%), mặc dù đạt thấp so mục tiêu Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ Tỉnh, nhưng quy mô GDP đầu năm 2000 tăng gấp 2 lần so với năm 1995.

Công nghiệp tiếp tục phát triển với mức tăng trưởng cao (tăng bình quân 19,9%/năm), trong đó khu vực có vốn đầu tư trực ngoài tăng 31,3%, trong nước tăng 9,8%. Năng suất lao động ngành công

nghiệp cao gấp 2 lần ngành dịch vụ và 14 lần ngành nông nghiệp. Nhờ vậy đã tạo ra cơ sở vật chất đáng kể cho nền kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn, trong đó đã từng bước hình thành một số ngành mũi nhọn có vai trò chi phối không chỉ đối với nông nghiệp, dịch vụ mà cho cả nền kinh tế trên địa bàn như: công nghiệp điện, nước, công nghiệp hàng xuất khẩu, đặc biệt là các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn như phân bón, công nghiệp cơ khí chế tạo và sửa chữa, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi. Mức tăng trưởng bình quân thời kỳ 1996- 2000 là 3,8%/năm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có bước chuyển biến tích cực, nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp từ 18% năm 1995 lên 24,7% năm 2000. Quá trình phát triển nông nghiệp đã gắn bó hơn với quá trình xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống nông dân theo tinh thần NQ TW5 (khóa VII) và NQ 06/TW của Bộ chính trị (khóa VIII). Một số ngành nghề truyền thống được phục hồi và có bước phát triển, mạng lưới dịch vụ phục vụ nông nghiệp được củng cố và mở rộng đến các cụm xã vùng sâu, vùng xa.

Các ngành dịch vụ từng bước được củng cố, tổ chức lại theo NQ 12/TW của Bộ chính trị (khóa VIII). Đã hình thành mối quan hệ mua bán giữa các

đơn vị sản xuất với ngành thương mại, mở rộng thêm thị trường hàng hóa nội địa, đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống ngày càng tăng của nhân dân nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 44,4%/năm, tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến đạt 70%, vượt mục tiêu NQ Đại hội VI đề ra. Nhập khẩu tập trung chủ yếu phục vụ cho sản xuất. Một số loại hình dịch vụ tiếp tục phát triển như: dịch vụ vận tải, xây dựng, bưu điện, tín dụng, dịch vụ pháp lý, đồng thời mở ra các loại hình dịch vụ mới như: cho thuê nhà ở, tư vấn về đất đai.

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn tăng gấp 2,6 lần so với thời kỳ 1991- 1995, nâng tỷ trọng vốn đầu tư trong nước từ 24% năm 1995 lên 38% năm 2000. Cơ cấu đầu tư đúng định hướng, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội được tập trung hơn như: điện, giao thông, thông tin liên lạc, nước, thủy lợi, cơ sở vật chất cho giáo dục y tế... làm tăng thêm năng lực phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống dân cư ở một số KCN, các trung tâm đô thị, thị trấn và một số vùng nông thôn. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng gấp 3 lần so với thời kỳ 1991- 1995, với cơ cấu đầu tư tập trung cho công nghiệp (chiếm 90%), phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Khắc phục tình trạng kêu gọi đầu tư nước ngoài thiếu chọn lọc của những năm đầu đổi mới.

Khu vực kinh tế Nhà nước được củng cố, sắp xếp

lại theo hướng sát nhập, cổ phần hóa, đồng thời phân biệt rõ DNNN kinh doanh, DNNN công ích và đơn vị sự nghiệp... làm cơ sở cho ưu đãi đầu tư và thực hiện các chính sách tài chính khác, nhằm thúc đẩy các DNNN nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kinh tế hợp tác đã tiến hành đăng ký lại các HTX theo luật HTX. Hình thành nhiều loại hình kinh tế hợp tác đa dạng ở nông thôn như: tổ liên đới vay vốn, chi hội nghề nghiệp, nhất là xuất hiện hình thức hợp tác giữa hộ nông dân với DNNN để giải quyết đầu vào, đầu ra, sử dụng giống mới có tác dụng tích cực, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Khu vực kinh tế dân doanh có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, chủ yếu là quy mô nhỏ và vừa với độ tăng trưởng bình quân hàng năm 8,1% và chiếm 41,5% trong GDP trên địa bàn. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được khuyến khích đầu tư vào những ngành công nghiệp kỹ thuật cao, sử dụng nhiều lao động, chế biến nông sản thực phẩm, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, tăng thêm kim ngạch xuất khẩu và tạo việc làm cho người lao động.

2/- Khoa học- công nghệ- môi trường có bước tiến bộ trong việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, về quản lý tài nguyên môi trường. Trình độ công nghệ trong sản xuất công nghiệp có chuyển biến, một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9000, nâng cao được sức cạnh tranh trên

thị trường. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, qua ứng dụng kỹ thuật canh tác tiến tiến, giống cây trồng, vật nuôi có tính ưu việt, năng suất một số cây trồng, vật nuôi tăng khá. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý sản xuất và các lĩnh vực khác của xã hội. Chú trọng nghiên cứu triển khai các đề tài khoa học về giai cấp công nhân, xây dựng đảng, lịch sử, tôn giáo, tổng kết kinh nghiệm cuộc chiến tranh giữ nước, phục vụ có hiệu quả cho sự lãnh đạo chỉ đạo của tỉnh.

Công tác bảo vệ và nguyên môi trường có chú trọng. Bước đầu đã nghiên cứu và triển khai thực hiện một số đề tài khoa học về giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở một số khu công nghiệp.

3/- Sự nghiệp giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao có bước phát triển tích cực; các chương trình xóa đói giảm nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách có tiến bộ.

Thông qua phương thức xã hội hóa gắn liền với đa dạng hóa các loại hình trường lớp trong giáo dục, đào tạo, đã giải quyết được cơ bản tình trạng thiếu phòng học, giảm đáng kể lớp học ca 3. Đến năm 2000 trên 99% trẻ em trong độ tuổi vào học lớp 1, gần 95% được học trung học cơ sở, 80% được học phổ thông trung học, số học sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp tăng gần 2 lần so năm 1996. Chất lượng giáo dục một số mặt được nâng

lên, kết quả tỷ lệ học sinh thi tốt nghiệp trung học cơ sở và phổ thông trung học đạt trên 85% (vượt so mục tiêu NQ đề ra). Toàn tỉnh đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập tiểu học (sớm hơn 2 năm so yêu cầu NQ), cơ bản thực hiện xong phổ cập trung học cơ sở ở 26/26 xã phường thuộc Thành phố Biên Hòa và đang tiếp tục thực hiện ở các trung tâm thị trấn của huyện. Công tác giáo dục, đào tạo con em dân tộc, giải quyết đời sống giáo viên miền núi có tiến bộ. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên được nâng lên, tỷ lệ giáo viên được chuẩn hóa trên 95% (cơ bản đạt mục tiêu NQ đề ra).

Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư thiết bị các bệnh viện, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu khám, điều trị bệnh, củng cố và phát triển mạng lưới y tế cấp xã phường (đạt 100% xã phường, thị trấn đều có trạm y tế, 50% số xã có bác sĩ phục vụ). Tích cực tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia, hoạt động y học dân tộc, đã khống chế được bệnh sốt rét, bước đầu quản lý được bệnh phong, và số người nhiễm HIV/AIDS đã phát hiện. Nâng dần tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh (đến năm 2000 đạt 75%). Công tác kế hoạch hóa gia đình được triển khai khá toàn diện, giảm tỷ lệ tăng tự nhiên dân số đến năm 2000 còn 1,6% (vượt mục tiêu NQ đề ra). Công tác bảo hiểm y tế được cải tiến một bước về thủ tục cấp thẻ, khám, điều trị, thanh toán tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia bảo hiểm y tế đến khám và điều trị.

Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe phát triển rộng khắp trong nhân dân, phong trào hội khỏe Phù Đổng và giáo dục thể chất trong các trường học có chuyển biến. Lực lượng cán bộ và vận động viên phát triển, thành tích thi đấu một số môn có tiến bộ và đã có vận động viên được tham gia thi đấu ở một số giải quốc tế đoạt huy chương.

Chú trọng công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, kịp thời ngăn chặn và xử lý các hình vi phạm xâm hại trẻ em.

Các hoạt động văn hóa- thông tin có tiến bộ từng bước đi vào chiều sâu, phát huy tính giáo dục uyển thống, bản sắc văn hóa dân tộc phục vụ thiết thực cho mục tiêu nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Phong trào thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được phát động rộng rãi từ các cơ quan, trường học, phường, xã đến khu phố, xóm ấp, bước đầu có tác dụng tích cực với nhiều điển hình được bầu chọn. Chất lượng hoạt động, các cơ quan tuyên truyền báo, đài phát thanh truyền hình, nhà xuất bản từng bước được nâng lên cả về hình thức và nội dung.

Đã mở ra nhiều hình thức đào tạo nghề, củng cố các trung tâm dịch vụ việc làm, thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình, mục tiêu các nguồn vốn để giải quyết việc làm, cho vay xoá đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm,

giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói thường xuyên, giảm 77% hộ nghèo (theo chuẩn mực cũ), nâng tỷ lệ hộ có mức sống tương đối khá (có điện, ti vi, xe gắn máy, nhà kiên cố và bán kiên cố...) cao hơn so với các năm trước. Việc chăm lo cho các đối tượng chính sách, thương binh, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng được thường xuyên quan tâm một cách thiết thực. Các hoạt động từ thiện, nhân đạo giúp đỡ các người tàn tật, trẻ mồ côi, khuyết tật được Nhà nước và toàn xã hội nhiệt tình hưởng ứng, thu được kết quả tích cực.

4/- Bảo đảm quốc phòng vững chắc, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Thường xuyên chăm lo củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thành phố ngày càng vững chắc. Hoàn thành hệ thống phòng thủ theo phương án A, A2, A4 trên địa bàn tỉnh. Chú trọng việc tổ chức luyện tập, diễn tập theo các phương án đạt kết quả tốt. Công tác tuyển quân, đào tạo, hàng năm đều đạt chỉ tiêu về số lượng và chất lượng. Nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được quan tâm, chất lượng huấn luyện được nâng lên. Các công trình quốc

phòng quan trọng trong tin đều được tăng cường củng cố.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đã sâu hơn, hệ thống hơn và chủ động hơn trong việc phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các hoạt động thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình của địch. Đấu tranh ngăn chặn kịp thời âm mưu phá hoại của các nòng nhòm chính trị phản động, làm tốt công tác an ninh nội bộ, an ninh văn hóa, an ninh kinh tế an ninh trật tự xã hội. Có chuyển biến tốt trong phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng và củng cố các tổ an ninh nhân dân, tổ tự quản, góp phần phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh có hiệu quả đối với các băng ổ nhóm tội phạm lĩnh sự chuyên nghiệp, tội phạm ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật có bước củng cố, kiện toàn, nâng chất lượng đội ngũ cán bộ về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công tác tuyên truyền giáo dục và phổ biến pháp luật được chú trọng. Chất lượng hoạt động trên các mặt điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng cao và có tác dụng tích cực trong công tác an ninh, giáo dục, phòng ngừa. Công tác thanh tra, kiểm sát được tiến hành thường xuyên, phát hiện nhiều sai sót, vi phạm trong quản lý kinh tế, đất đai, giữa các cấp ủy và chính

quyền củng cố nâng cao chất lượng công tác quản lý kinh tế - xã hội, quản lý cán bộ, đảng viên.

5/- Đã tập trung xây dựng chính quyền địa phương dựa trên bản chất Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; thực hiện một bước cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

Hoạt động của HĐND các cấp tiếp tục được đổi mới, đúng luật định, bảo đảm không ngừng nâng cao vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Các Nghị quyết của HĐND đã cụ thể hóa được Nghị quyết của Đảng bộ các cấp, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của cử tri.

UBND các cấp đã thực sự là cơ quan chấp hành của HĐND và là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương. Hệ thống pháp luật, các nghị quyết của HĐND và các quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Bộ máy chính quyền các cấp từng bước được kiện toàn về tổ chức và hoạt động. Bước đầu triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực; tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, cả về trình độ lý luận và năng lực chuyên môn.

6/- Có chuyển biến trong công tác dân vận của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và vai trò làm chủ của nhân

dân trên các lĩnh vực đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng:

Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố trên cơ sở liên minh công nhân - nông dân - trí thức. Các giai cấp và tầng lớp nhân dân đã phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, vượt qua khó khăn thử thách, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ chính trị củ tỉnh. Đã xuất hiện nhiều mô hình liên minh công đing trên lĩnh vực kinh tế hoạt động có hiệu quả. Di ngũ trí thức của tỉnh đã có bước trưởng thành và đang trên đà phát triển. Đa số trí thức xuất thân từ công nhân và nông dân, giàu lòng yêu nước, trung thành với công cuộc đổi mới của Đảng, phát huy đợc tài năng, trí tuệ góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Nhiều cá nhân tiêu biểu trong chức sắc tôn giáo, già làng dân tộc, trí thức, người Hoa, công thương gia... tham gia MTTQ các cấp đã phát huy đợc vai trò của mình, góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân ở cơ sở.

Tiếp tục triển khai thực hiện các quan điểm đổi mới công tác vận động quần chúng theo tinh thần NQTTW8B, các chủ trương, chính sách về thanh niên, phụ nữ, đại đòa kết dân tộc, người Hoa, tôn giáo và các vấn đề về giai cấp công nhân, nông dân. Kiện toàn và nâng chất lượng hoạt động Ban Dân vận các cấp và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận ở cơ sở. Chú trọng củng cố tổ chức, bộ máy và đào

tạo cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt của Mặt trận tổ quốc và đoàn thể các cấp; đồng thời quan tâm chỉ đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể theo phương châm hướng về cơ sở. Công tác dân vận của hệ thống chính trị các cấp có tiến bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất- tinh thần và tham gia các hoạt động xã hội theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Vai trò của MTTQ, các đoàn thể tham gia xây dựng chính quyền ngày càng được phát huy trên nhiều lĩnh vực, thể hiện qua hiệp thương, tham gia bầu cử Quốc hội khóa X (năm 1997), bầu cử HĐND 3 cấp năm 1999 và công tác hòa giải, góp phần giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân từ cơ sở. Mặt trận Tổ quốc tích cực tham gia với HĐND trong việc giám sát thực hiện các chính sách, thi hành pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Thực hiện chỉ thị 30/TW của Bộ chính trị về qui chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu nhận thức về quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân được phát huy, tạo nên không khí dân chủ trong sinh hoạt cộng đồng dân cư. Tình làng nghĩa xóm, tình đoàn kết, ý thức tự quản được nâng cao, góp phần củng cố, xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể ở cơ sở, khắc phục dần tình trạng suy thoái, quan liêu, tham

nhũng ở các cơ

THI VIỆN BÌNH DƯƠNG NAI

SÁCH TẶNG

2021/0CIVV

001720

Thông qua chương trình công tác cụ thể hàng năm của Mặt trận và các đoàn thể, các cuộc vận động nhân dân được triển khai sâu rộng, phong phú và đa dạng hơn. Phong trào hành động cách mạng trong công nhân, nông dân, trí thức, cựu chiến binh, thanh niên, phụ nữ, công thương gia, người cao tuổi, đồng bào các dân tộc người, các tôn giáo, ... tiếp tục phát triển, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đạt được kết quả cao về công tác tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên. Đến cuối tháng 6/2000 tất cả các đoàn thể nhân dân đã đạt và vượt chỉ tiêu tập hợp quần chúng vào tổ chức theo Nghị quyết năm 2000 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (NQ59/TU); đặc biệt công tác xây dựng tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, giáo dục nâng chất lượng giai cấp công nhân công nghiệp trong tỉnh.

7/- Tích cực xây dựng và chỉnh đốn đảng, từng bước nâng dần năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng và đội ngũ đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đã đề ra:

Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng luôn được coi là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ. Việc triển khai quán triệt nghị quyết được các cấp ủy Đảng luôn quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Trong triển khai đã có sự đổi mới về hình thức, phương

pháp do đó nâng cao được chất lượng, hiệu quả học tập, số lượng đảng viên dự học đạt tỷ lệ khá cao. Hầu hết các Nghị quyết được triển khai đến cán bộ cốt cán các cơ quan, đoàn thể và một số Nghị quyết được phổ biến tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

Việc thực hiện NQ 27/TU, NQ 09/TW và NQ 01/TW của Bộ chính trị về công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức lý luận Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ đảng viên được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, đồng thời đẩy mạnh công tác giáo dục rèn luyện về đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch lành mạnh trong cán bộ, đảng viên thông qua triển khai các đợt học tập về đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh; triển khai các pháp lệnh của Chính phủ; quán triệt và thực hiện NQ TW 5, NQ TW 6 (lần 2) của Trung ương Đảng. Quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tư tưởng, văn hóa, nhất là các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố, ban tuyên giáo cơ sở xã, phường; nâng được chất lượng hoạt động của đội ngũ lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp.

Các đợt sinh hoạt chính trị thực hiện NQ TW 5, NQ TW 6 (lần 2), và thực hiện luật bầu cử được triển khai rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân. Việc đưa thông tin nhiều chiều, có định hướng và giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng nâng cao cảnh giác, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực

thù địch được chú trọng. Công tá tuyên truyền những ngày kỷ niệm lớn, trong năm ược hướng dẫn chỉ đạo chặt chẽ nhằm giáo dục truyền thống cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhà dân, đặc biệt là thế hệ trẻ đã có tác dụng giáo dục sâu sắc, động viên các tầng lớp nhân dân hưởng ứng các cuộc vận động; chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội; xóa đói giảm nghèo, xã hội ba. giao thông nông thôn, giao thông khu phố, xã hội hóa giáo dục, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; khẳng định ý nghĩa to lớn của những thành tựu KT-XH củ cả nước, của tỉnh. Qua đó đã tạo được sự nhất trí tư tưởng và hành động ngày càng cao trong Đảng và trong xã hội, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, g: vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và trậ tự an toàn xã hội trên địa bàn, góp phần củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên, quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được hầu hết đảng viên và tổ chức Đảng chấp hành nghiêm túc, coi đó là nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng và củng cố tổ chức đảng. Mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng được dân chủ thảo luận, quyết định theo đa số. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành qui chế làm việc củ cấp ủy, quyết định qui chế làm việc của các ban đảng và các qui chế trong công tác cán bộ. Các cấp ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, đảng đoàn đều xây dựng được

qui chế làm việc và thực hiện qui chế khá chặt chẽ. Việc sơ kết rút kinh nghiệm hoạt động Ban cán sự đảng và hướng dẫn xây dựng quy chế (tạm thời) đã tạo điều kiện cho các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn hoạt động hiệu quả hơn, đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể.

Công tác chỉ đạo sắp xếp củng cố kiện toàn các cơ quan đảng các cấp; thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong hệ thống chính trị đã nâng cao được vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Hệ thống các ban đảng tỉnh và cấp huyện được kiện toàn một bước về tổ chức, đổi mới lề lối làm việc, nâng cao được chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Công tác xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng được các cấp ủy quan tâm tập trung chỉ đạo. Đã thực hiện thống nhất quy định ngày sinh hoạt cơ sở đảng trong toàn tỉnh; tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm để bổ sung quy chế hoạt động của loại hình chi bộ cơ quan (Quy định 54/TW) và chi bộ trong các doanh nghiệp nhà nước (Quy định 49/TW). Đồng thời quan tâm chỉ đạo việc xây dựng, củng cố tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Chỉ thị 07/TW của Bộ chính trị. Những cơ sở đảng yếu, nhất là những nơi mất đoàn kết nội bộ, được tập trung chỉ đạo củng cố; nhiều cơ sở đảng đã khắc phục được

tình trạng yếu kém để vươn lên. Thực tiễn hoạt động và củng cố, các tổ chức cơ sở Đảng đã có bước chuyển biến quan trọng về chỉnh đốn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động; nề nếp và chất lượng sinh hoạt Đảng được nâng lên; lề lối làm việc và mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, đoàn thể gần bó hơn. Phần lớn cơ sở Đảng đã thể hiện được vai trò là hạt nhân chính trị trong việc lãnh đạo thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hàng năm đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh được nâng lên, bình quân trong nhiệm kỳ 1996- 2000 đạt 69,5% (cao hơn 12,2% bình quân nhiệm kỳ trước).

Đội ngũ đảng viên không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến tháng 6/2000 toàn Đảng bộ có 22.072 đảng viên đang sinh hoạt ở 702 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 4.76 đảng viên nữ, 1.640 đảng viên dự bị. Trải qua thử thách ở cơ sở, đa số đảng viên đã thể hiện được phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Hơn 90% đảng viên được phân công công tác cụ thể, đi đầu trong cơ phong trào ở cơ sở. Kết quả đánh giá chất lượng hàng năm phần lớn đảng viên đều đủ tư cách đảng viên mức 1 như: năm 1996 đạt 88,4%, năm 1997 đạt 88,50%, năm 1998 đạt 88,34%, năm 1999 đạt 84,9%.

Công tác phát triển đảng được các cấp ủy đặc biệt quan tâm, căn cứ vào NQ Đại hội VI của tỉnh, hàng năm các cấp ủy đều xây dựng chỉ tiêu phát triển đảng cụ thể. Chỉ đạo chặt chẽ công tác xây dựng củng cố và phát triển đội ngũ trung kiên. Tạo điều kiện kinh phí cho công tác thẩm tra, xác minh lý lịch. Xây dựng kế hoạch và kiểm tra đôn đốc kế hoạch phát triển đảng đến từng cơ sở đảng. Do đó trong 4 năm qua (từ 1996 đến 1999) công tác phát triển đảng có bước chuyển biến mạnh mẽ, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (phát triển từ 6% đến 7% so với tổng số đảng viên cuối năm trước). Kết quả từ năm 1996 đến năm 1999 toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp được 4614 đảng viên mới. Chất lượng đội ngũ đảng viên mới được nâng lên, phát huy được tác dụng.

Các cấp ủy đã nghiêm túc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2). Nội dung kiểm điểm tập trung vào các vấn đề chủ yếu theo chỉ đạo của Trung ương về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tổ chức chỉ đạo điều hành, trong đó chú trọng làm rõ những khuyết điểm và nguyên nhân của khuyết điểm trong quá trình thực hiện, đồng thời xây dựng các biện pháp để khắc phục khuyết điểm. Kết quả đợt sinh hoạt chính trị ở các tổ chức đảng đã làm tăng thêm sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, về ý chí hành động của đội ngũ đảng viên, tăng cường trách nhiệm

của các cấp ủy, các tổ chức đảng, cán bộ đảng viên trong công tác xây dựng đảng và trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Tỉnh ủy đã xây dựng chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; qua đó từng bước tiến hành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ; tổ chức tổng kết đánh giá và đề ra Nghị quyết về công tác qui hoạch và đào tạo cán bộ; ban hành các qui chế về công tác cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ. Đến nay, các cấp ủy và phần lớn các tổ chức đảng cơ sở đã xây dựng được qui hoạch cán bộ của mình, phục vụ có kết quả việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia ứng cử, bầu cử vào các chức danh chính quyền, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và cấp ủy các cấp trong nhiệm kỳ tới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm. Hầu hết cán bộ chủ chốt và đa số cán bộ đảng viên các ngành, các cấp đều có ý thức tích cực học tập nâng cao trình độ mọi mặt để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong nhiệm kỳ đã có 11.756 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức các mặt; trong đó đào tạo từ trung cấp trở lên cho 4.539 cán bộ và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho 7.217 cán bộ. Chính sách đối với cán bộ được các cấp ủy chú trọng, kịp thời khen thưởng, tặng thưởng huân chương bậc cao cho những người có công với nước và thường xuyên tổ chức thăm hỏi cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí...

- Công tác kiểm tra đã có chuyển biến cả về nhận thức, lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của điều 30 của Điều lệ Đảng, chỉ thị 29 của Bộ Chính trị và hướng dẫn của UBKT Trung ương. Các cấp ủy đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác kiểm tra đối với tổ chức Đảng và đảng viên trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hàng năm tiến hành kiểm tra các tổ chức Đảng cơ sở theo quy định.

Nội dung và phương pháp kiểm tra đảng của UBKT các cấp có bước đổi mới, từng bước khắc phục sự lúng túng trong việc nắm bắt các dấu hiệu vi phạm của đảng viên và tổ chức Đảng cấp dưới, chủ động xây dựng mối quan hệ, phối hợp với các ngành chức năng của Nhà nước để tăng cường công tác kiểm tra đảng, xác minh và kết luận các vụ việc của đảng viên và tổ chức đảng được chính xác.

Nhìn chung, công tác kiểm tra Đảng trong nhiệm kỳ đã được tiến hành thường xuyên, kịp thời giúp đảng viên và các tổ chức Đảng khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng. Trong nhiệm kỳ qua, hầu hết các tổ chức đảng đều được kiểm tra, kết quả đã xử lý kỷ luật 901 đảng viên và 20 tổ chức đảng với các hình thức: khiển trách 334 đảng viên và 5 tổ chức đảng, cảnh cáo 365 đảng

viên và 15 tổ chức đảng, cách chức 74 đảng viên, khai trừ 128 đảng viên.

Về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, các cấp ủy đã triển khai và tổ chức thực hiện đạt kết quả bước đầu công tác rà soát chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt theo tinh thần Chỉ thị 39/TW của Bộ Chính trị, góp phần phục vụ việc qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

Công tác xem xét phát triển Đảng viên mới và giải quyết các đơn thư khiếu nại- tố cáo của cán bộ, đảng viên có liên quan đến lịch sử chính trị được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện chặt chẽ đã góp phần làm trong sạch và nâng cao chất lượng chính trị đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

- Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng tiếp tục được đổi mới. Tất cả các cấp ủy đã xây dựng được quy chế và làm việc theo quy chế, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn, chế độ làm việc của Thường vụ cấp ủy, Thường trực cấp ủy và cá nhân thường vụ cấp ủy. Xây dựng được chương trình làm việc toàn khóa, hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng tuần để chủ động điều hành hoạt động của Đảng bộ. Bổ sung, hoàn chỉnh quy chế thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở Đảng. Làm rõ mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Thực hiện chặt chẽ chế độ làm việc giữa Thường trực cấp ủy với HĐND

và UBND trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng. Ban hành quy chế tạm thời về chức năng, nhiệm vụ và lề lối làm việc của Ban cán sự Đảng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Bước đầu đổi mới công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết của Đảng, giảm bớt các hội nghị không cần thiết. Cải tiến quy trình xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản của cấp ủy, thực hiện nghiêm chế độ thỉnh thị, báo cáo, thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

Nguyên nhân đạt được những thành tựu trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, là kết quả của sự nỗ lực lớn ở các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành trong việc lãnh đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đã có nhiều biện pháp tích cực trong quá trình tập hợp, động viên quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương.

II - NHỮNG TỒN TẠI, YẾU KÉM :

1/- Mức độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian gần đây có xu hướng chậm lại, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng thiếu đồng bộ, quá trình thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn chưa đạt yêu cầu so mục tiêu Nghị quyết.

Tốc độ công nghiệp phát triển ca, nhưng vẫn còn một số doanh nghiệp vốn trong nước hiệu quả kinh tế thấp, chất lượng sản phẩm kém. Nhiều loại sản phẩm công nghiệp chất lượng thấp, đơn điệu, chưa đáp ứng thị hiếu tiêu dùng dân cư và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong tình hình mới.

Mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn chưa đạt yêu cầu theo NQ, ngành nghề ở nông thôn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng to lớn về tài nguyên và nguồn lao động. Một số cây trồng vật nuôi có lợi thế địa phương (café, điều, cao su, mía, bắp, mỳ, chim nuôi heo, gà...) phát triển chưa ổn định, phụ thuộc phần lớn vào tình hình thị trường, dẫn đến tình trạng cung vượt cầu ở từng thời điểm, gây tác động xấu đến sản xuất, làm ảnh hưởng không ít đến thụ nhập và sức mua của nông dân.

Quản lý đất đai, quản lý giống cây trồng, vật nuôi chưa đi vào nề nếp ổn định. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất, giao rừng cho dân tiến hành chậm, làm ảnh hưởng mục tiêu phủ xanh đất trống đồi trọc, hạn chế việc khai thác tiềm năng về lao động, đầu tư và thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Thị trường tiêu thụ nông sản còn bấp bênh. Quy mô, phương thức kinh doanh của Thương nghiệp Nhà nước, mạng lưới dịch vụ nông nghiệp - nông

thôn ở các vùng sâu, vùng xa, chưa mở rộng, thương nghiệp tư nhân phát triển nhưng chủ yếu là quy mô nhỏ. Dịch vụ du lịch còn yếu kém cả về cơ sở vật chất và phương thức hoạt động, sức cạnh tranh yếu. Các lĩnh vực thông tin, tiếp thị chưa vươn lên đáp ứng kịp yêu cầu tình hình mới, một số ngành dịch vụ chưa được khai thác đúng mức như: dịch vụ vận tải công cộng, cung cấp thức ăn nhanh, nhà ở, bảo hiểm, tư vấn, tiếp thị, kiểm toán.

Việc đổi mới, sắp xếp lại DNNN tuy được thực hiện nhưng kết quả còn hạn chế, làm cho các doanh nghiệp không mạnh được về vốn, trình độ công nghệ, tay nghề công nhân, khó giữ vững trong quá trình phát triển lâu dài, chưa đủ sức tham gia hội nhập và cạnh tranh vào nền kinh tế khu vực. Chậm phát triển kinh tế hợp tác, HTX theo luật định. Kinh tế dân doanh phát triển chưa tương xứng tiềm năng.

Tỷ trọng đầu tư trong nước tăng lên hàng năm nhưng vẫn còn thấp, chưa thu hút được nhiều nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân để đầu tư phát triển kinh tế, tăng cường nội lực. Mức độ thu hút vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm vốn FDI, ODA và các nguồn vốn khác) ngày càng lớn, nhưng việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát sau giấy phép chưa chặt chẽ. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tuy được phát triển, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Công tác quản lý thu ngân sách có lúc, có nơi còn

để thất thu, thu chưa đúng, chưa đủ và chưa nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Việc quản lý chi ngân sách, sử dụng và quản lý tài sản công, quản lý tài chính doanh nghiệp, các khoản phí và lệ phí... còn biểu hiện chưa thật chặt chẽ.

2/- Nhiều vấn đề xã hội còn bức xúc; đời sống dân cư ở các vùng sâu vùng xa còn khó khăn.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục phần lớn các trường ngoài công lập còn thấp. Giáo dục về đạo đức, pháp luật, giáo dục hướng nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng dạy thêm, học thêm, tràn lan, chậm có giải pháp khắc phục. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi học mẫu giáo còn thấp, chưa đạt mục tiêu NQ đề ra.

Kết quả chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp còn chậm. Lao động chưa có việc làm tuy có giảm so với năm 1995 nhưng không đáng kể (3,8% so với 4,8%). Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt hấp (dưới 15%), chưa đạt mục tiêu NQ đề ra.

Chưa thực hiện được mục tiêu 100% trạm y tế xã có bác sĩ, 80% hộ nông thôn và 100% hộ ở đô thị dùng nước hợp vệ sinh vào năm 2000. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn trên 30%. Chất lượng khám chữa bệnh, thái độ phục vụ của một số cán bộ y tế chưa tốt. Công tác quản lý vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý thuốc chữa bệnh nhất là thuốc y học dân tộc chưa chặt chẽ.

Kết quả giảm hộ nghèo chưa đạt mục tiêu NQ, dễ phát sinh nguy cơ tái nghèo. Thực hiện bảo hiểm y tế cho người nghèo chưa được mở rộng (chỉ mới giải quyết được cho các đối tượng đối, trợ cấp xã hội và ở vùng dân tộc). Tệ nạn xã hội chưa giảm, số trẻ em bị xâm hại, nghiện hút, vi phạm pháp luật có chiều hướng tăng.

Các hoạt động khoa học công nghệ chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế - xã hội, chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu. Môi trường đô thị, khu công nghiệp tập trung và một số sông rạch bị ô nhiễm ngày càng nặng.

3/- Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Các nhen nhóm chính trị phản động đang tích cực xây dựng lực lượng và hoạt động âm mưu phá hoại thành quả công cuộc đổi mới. Tình hình tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự chưa giảm, xuất hiện một số bọn tội phạm hoạt động có tổ chức, mang tính chất táo bạo nguy hiểm, tệ nạn mãi dâm, ma túy nhất là tội phạm ma túy trong thanh thiếu niên, trong nhà trường là một vấn đề quan tâm của xã hội. Ý thức chấp hành luật giao thông chưa cao; trật tự công cộng ở một số chợ, thị trấn chưa đảm bảo tốt. Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật có làm nhưng chưa đạt hiệu quả cao.

4/- Dân chủ XHCN chưa được phát huy đúng

mức, quyền làm chủ của nhân dân trên từng lĩnh vực còn bị vi phạm. Công tác vận động một số tầng lớp dân cư trong xã hội còn yếu. Công tác quản lý Nhà nước chưa hực sự đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Việc thực hiện quy chế dân chủ mới tập trung tiến hành ở xã, phường, thị trấn; việc tổ chức thực hiện ở cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân tuy có tiến bộ, nhưng có lúc, có việc, có nơi còn bị vi phạm hoặc thực hiện mang tính hình thức. Phong trào nhân dân tham gia chống tham nhũng và chống các tệ nạn xã hội chưa mạnh.

Công tác vận động ngoại tiêu biểu trong giới trí thức, công thương gia, kiều bào, dân tộc, người Hoa còn yếu. Nhiều trí thức chưa được sử dụng hợp lý. Tỷ lệ tập hợp quần chúng vào các tổ chức đoàn thể ở vùng đồng bào có đạo, vùng dân tộc và các loại hình doanh nghiệp ngoài QĐ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn thấp. Một số Nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên, phụ nữ, mặt trận triển khai thực hiện chậm.

Công tác quản lý Nhà nước trên một số mặt kinh tế - xã hội và thực thi pháp luật chưa chặt chẽ. Công tác tiếp dân của một số cơ quan Nhà nước thẩm quyền còn hình thức, việc giải quyết đơn thư khiếu nại của dân còn chậm. Cơ quan liêu, cửa quyền, những nhiễu trong một số cơ quan Nhà nước chưa

được khắc phục triệt để.

5/- Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tích cực, song kết quả trên từng mặt cụ thể về tư tưởng - chính trị, tổ chức cán bộ, củng cố cơ sở Đảng còn hạn chế, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy chưa đổi mới mạnh mẽ.

- Một số cấp ủy chưa quan tâm thật sự đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Do đó chất lượng quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đảng ở những đơn vị này chưa đạt yêu cầu đề ra. Công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thật sự sâu rộng trong nhân dân, đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng chưa sắc bén, thuyết phục. Còn nhiều NQ của Đảng, chính sách của Nhà nước chưa phổ biến rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân.. Các cấp ủy đã nhận thức được việc cụ thể hóa nghị quyết của đảng, xây dựng được kế hoạch, chương trình, nhưng còn một số cấp ủy xây dựng nội dung chưa sát thực tiễn, tổ chức triển khai thực hiện chưa kiên quyết. Việc thực hiện quy chế đã xây dựng nhưng trong quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, nhất là ở cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ tuy được quan tâm chỉ đạo nhưng triển khai thực hiện chậm.

- Tình trạng vi phạm chính sách, pháp luật, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng còn chiếm tỷ lệ cao trong các nội dung vi phạm. Việc cố ý làm trái, thiếu tinh thần trách nhiệm; tình trạng sa sút về

phẩm chất đạo đức: chưa được khắc phục, trong đó có cả một số tập thể cấp ủy làm trái NQ, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc phối hợp giữa xử lý kỷ luật Đảng, ý luật hành chính và xử lý theo pháp luật nhiều trường hợp chưa chặt chẽ, chưa kịp thời, làm giảm hiệu quả giáo dục cán bộ đảng viên qua xử lý kỷ luật Đảng.

- Chưa duy trì được chế độ làm việc giữa Thường trực cấp ủy với Thường trực Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể.

Nguyên nhân cơ bản tồn tại, yếu kém trên ngoài các nguyên nhân khách quan do ảnh hưởng thời tiết, thiên tai cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực. Nguyên nhân chủ quan, đáng quan tâm là:

- Công tác dự báo và xây dựng hệ thống các mục tiêu kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, chúng ta còn chú ý nhiều vào mặt thuận của thời kỳ 1991 - 1995, mà chưa dự báo hết các mặt không thuận lợi, những yếu kém của nền kinh tế chưa đánh giá đầy đủ bối cảnh kinh tế của khu vực và quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa. Bên cạnh đó, nội dung, phương pháp và tính hiện thực của quy hoạch còn hạn chế, mang nặng tính chủ quan muốn phát triển nhanh, đưa ra nhiều trọng điểm, rũi nhọn nhưng không đảm bảo được các điều kiện thực hiện.

Thiếu định hướng, biện pháp cụ thể trong phân công hợp tác sản xuất, tạo mối quan hệ phối hợp hỗ trợ đồng bộ giữa công nghiệp đô thị và tiểu thủ công

ng nghiệp nông thôn, giữa công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương trên địa bàn tỉnh với vùng kinh tế trọng điểm phía nam và miền đông nam bộ. Chưa phát huy lợi thế so sánh, đi tắt, đón đầu, nắm bắt công nghệ mới tạo ra những ngành và sản phẩm mũi nhọn. Ý thức vươn lên trong cạnh tranh của các doanh nghiệp còn yếu, khuynh hướng phổ biến là trông chờ vào hàng rào bảo hộ hơn là tự vươn lên qua cạnh tranh. Sự yếu kém về năng lực tiếp thị, nghiên cứu thị trường, về các dịch vụ đầu tư, dịch vụ tài chính; tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại gia tăng

- Năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý điều hành của Nhà nước ở một số cơ sở còn yếu, dẫn đến kỷ cương, kỷ luật, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước chưa nghiêm, cản trở quá trình phát triển và ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Một số cấp ủy đảng chưa thực sự quan tâm đến công tác vận động quần chúng.

- Một số ngành, địa phương do nhận thức chưa đầy đủ về nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nên trong chỉ đạo điều hành còn lúng túng, thiếu phương án, giải pháp cụ thể để khai thác nguồn lực tại chỗ, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và làm hạn chế kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở từng cấp, từng ngành.

- Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và đào tạo cán bộ chưa tiến hành đồng bộ, thi điều tra nghiên cứu và xây dựng được các chuyên đề khoa học về tổ chức quản lý. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ quản lý Nhà nước và kinh tế chưa đáp ứng kịp thời theo yêu cầu tình hình mới.

- Thực hiện cải cách hành chính tiến hành chậm, bộ máy hành chính còn chồng chéo trùng lặp chức năng, chưa đảm bảo được sự điều hành tập trung thống nhất. Mặc khác quy chế công chức, công vụ cụ thể đối với từng chức danh chưa ban hành, làm cho bộ máy điều hành của Nhà nước kém hiệu quả. Tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn xảy ra ở một số nơi.

III. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHỦ YẾU:

Qua 5 năm tổ chức thực hiện Nghị Quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII, các Nghị Quyết Trung ương khóa VIII, Nghị Quyết Đại hội VI Đảng bộ tỉnh, sự nghiệp đổi mới của tỉnh Đồng Nai đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế và tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, xoá được đói, giảm đáng kể hộ nghèo, chăm lo nhiều hơn cho các đối tượng chính sách. An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công cuộc đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã đem lại nhiều kết quả tích cực, nâng cao

được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước được nâng lên.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội 5 năm qua của Đảng bộ tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1- Thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo chính trị của toàn Đảng bộ, của từng cấp ủy và xem đó là nhiệm vụ then chốt, quyết định mọi thắng lợi.

Thực tiễn thời gian qua đã cho thấy để đủ sức quán triệt và vận dụng đúng đắn đường lối chủ trương của Đảng, của từng cấp ủy và đề ra được các giải pháp thích hợp ở từng ngành từng cấp và lãnh đạo tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải tăng cường giáo dục tư tưởng, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ từng cấp ủy Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện NQ Đảng để phát huy nhân tố tích cực, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại yếu kém phát sinh nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội Nghị Quyết Đảng bộ đề ra.

2- Quan tâm củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, gắn liền với củng cố, xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn

thể là cơ sở để xây dựng hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả trên mọi lĩnh vực.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN là một sự nghiệp Cách mạng vĩ đại, đầy khó khăn, thử thách, đặt ra cho đảng ta phải tiếp tục làm tốt “nhiệm vụ tự đổi mới, tự chỉnh đốn đảng”, xây dựng đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới. Để thực hiện tốt yêu cầu đó, cần tăng cường sự lãnh đạo của từng cấp ủy đối với công tác xây dựng đảng, mở rộng và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện cơ sở yếu kém, nâng cao nhận thức của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên về tinh thần tự đổi mới, tự chỉnh đốn đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, thước đo kết quả nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng không chỉ ở kết quả xây dựng nội bộ đoàn kết tốt mà phải thể hiện ở sự vững mạnh của các cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế xã hội và các đoàn thể quần chúng do đảng lãnh đạo, hoạt động theo đúng luật pháp và có hiệu quả cao. Tổ chức đảng phải củng cố mối quan hệ giữa đảng viên và quần chúng, có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng, giới thiệu người tham gia vào các cơ quan chính quyền và đoàn thể; hướng dẫn giúp đỡ, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cán bộ chính quyền và đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cơ sở đảng trong sạch vững mạnh phải trên cơ sở hoạt động của chính quyền và đoàn

thể vững mạnh.

3- Cần nhận thức đúng đắn về phát triển nền kinh tế hàng hóa - thị trường theo định hướng XHCN để trên cơ sở đó củng cố, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Trên cơ sở quán triệt, vận dụng đúng đắn quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nền kinh tế hàng hóa thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, các ngành, các cấp cần có phương án, giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích tạo môi trường thuận lợi, thực hiện bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội và công dân là việc làm có ý nghĩa quan trọng để khai thác mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, nhất là thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo sức khỏe nhân dân, nâng cao dân trí, phát huy truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc, tinh thần cách mạng và yêu nước của nhân dân.

Thực tiễn thời gian qua đã chỉ rõ để thực hiện việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị Quyết của Đảng đề ra, đòi hỏi các ngành các cấp phải tăng cường vai trò quản lý Nhà nước thông qua việc thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời

chấn chỉnh những thiếu sót tồn tại phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ở cơ sở.

4- Mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, tạo nên sức mạnh toàn dân thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa tỉnh nhà là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược và cấp bách.

Thực tiễn 5 năm thực hiện đổi mới công tác vận động quần chúng đã chứng minh nơi nào cấp ủy Đảng tăng cường và đặt đúng vị trí của Mặt trận, các đoàn thể trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị thì nơi đó có phong trào hành động sôi nổi của nhân dân, chính trị ổn định, mối quan hệ của Đảng với nhân dân gắn bó hơn, sức mạnh nhân dân được phát huy. Để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân cần xây dựng, thực hiện đồng bộ qui chế phối hợp giữa chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp, thực hiện sự kết hợp các phong trào hành động cách mạng của nhân dân với công tác quản lý Nhà nước của Chính quyền các cấp, bảo đảm cho quá trình thực hiện và tham gia xây dựng chính sách, pháp luật hợp lòng dân, đáp ứng lợi ích hợp pháp của nhân dân. Đồng thời để phát huy dân chủ trực tiếp và nội lực của các tầng lớp nhân dân, nhất là ở khu dân cư, bảo đảm thực hiện thắng lợi NQ của Đảng, điều quan trọng là phải có cơ chế đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nắm chắc tình hình đời sống, phát hiện kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân, tổ chức bàn bạc dân chủ với nhân dân, dựa vào dân.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005.

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1/- Thuận lợi:

Sự ổn định chính trị- xã hội là nền tảng vững chắc tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thể chế quản lý kinh tế, hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách từng bước hoàn chỉnh, đồng bộ hóa và đang phát huy tích cực.

Tiềm năng kinh tế của địa phương về lao động, đất đai, ngành nghề còn dồi dào. Năng lực sản xuất sau 10 năm đổi mới được nâng lên đáng kể. Kết cấu hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện...) có bước phát triển khá. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, tạo tiền đề phát triển trong giai đoạn sau.

Việc phát triển khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn đã trở thành một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, góp phần vào việc tăng cường năng lực, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2- Khó khăn và thách thức

Tình hình quốc tế trong những thập kỷ tới sẽ diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới tuy đang có xu hướng phục hồi, song vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc. Xu thế toàn cầu hóa sẽ dẫn đến xu hướng cơ cấu lại nền kinh tế thế giới với những trung tâm phát triển và chi phối, làm cho cuộc đấu tranh về trật tự kinh tế thế giới sẽ diễn ra gay gắt, tình hình này sẽ tác động mạnh đến nước ta. Bên cạnh đó, việc thực hiện các cam kết tham gia AFTA, WTO, sẽ tạo những cơ hội thuận lợi để phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn và là những thách thức rất lớn đối với nước ta.

Trong khu vực Châu Á khả năng phục hồi nhanh nền kinh tế của các nước sau khủng hoảng sẽ tạo cơ hội thuận lợi trong việc mở rộng các mối quan hệ quốc tế và khu vực, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, nhưng đồng thời sẽ tăng sức ép đối với nền kinh tế nước ta vốn đang kém sức cạnh tranh.

Trình độ công nghệ nhìn chung còn lạc hậu, nền kinh tế rất dễ bị ảnh hưởng bởi các biến động trong và ngoài nước, nguy cơ mất ổn định còn lớn.

Tốc độ đầu tư giảm, trong khi đó các yếu tố để ngăn chặn đà giảm sút chưa đủ mạnh; môi trường đầu tư chưa đủ thuận lợi và ổn định để huy động toàn bộ nguồn lực cho phát triển. Hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn ở mức thấp.

Tình trạng lao động chưa có việc làm, hộ nghèo, tệ nạn xã hội, tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại sẽ là những áp lực căng thẳng trong những năm sắp tới.

Chất lượng đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng kịp trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

B. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2001-2005

1/- Phương hướng tổng quát của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 5 năm 2001-2005.

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới của Đảng, phát huy mạnh mẽ các thành phần kinh tế, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế vùng và khu vực, ra sức cần kiệm, phát triển đầu tư, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về sức cạnh tranh và hiệu quả nền kinh tế để đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, nhất là công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp với mức tăng trưởng cao liên tục và bền vững. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về phát huy nhân tố con người, phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, giải quyết vấn đề bức

xúc về việc làm, ổn định và cải thiện vững chắc đời sống nhân dân. Giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế, đẩy mạnh việc cải cách bộ máy Nhà nước và hệ thống hành chính các cấp. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ thực sự trong sạch vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ của thời kỳ mới.

2/ Mục tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm (2001-2005) :

- Giá trị tổng sản phẩm quốc nội GDP (giá năm 1994) tăng bình quân ít nhất 10%/năm.

Trong đó : Công nghiệp xây dựng tăng 12- 13%

Dịch vụ tăng 9 - 10%

Nông lâm ngư nghiệp tăng 3,5%

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp. Trong đó, tỷ trọng công nghiệp xây dựng vào năm 2005 chiếm 56%, dịch vụ 27% và nông lâm ngư nghiệp 17%.

- Huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước trong 5 năm đạt trên 38 ngàn tỷ đồng, (bình quân mỗi năm trên 7,6 ngàn tỷ đồng), tăng gần gấp 2 lần so với thời kỳ 1996-2000.

- Tăng kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn 12%/năm
- Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách Nhà nước đạt bình quân hàng năm trên 18%/GDP.
- Giải quyết việc làm trên 65.000 lao động/năm.
- Chống tái đói, giảm 45.000 hộ nghèo, phấn đấu đến năm 2005 chỉ còn 2% hộ nghèo (theo chuẩn mực mới).

Đến năm 2005:

- GDP bình quân đầu người đạt 830 USD (tính theo tỷ giá hiện hành 14.276 đồng/USD của năm 2000).
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,4%.
- Trên 90% số hộ dùng điện, 90% hộ dùng nước hợp vệ sinh.
- Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong toàn tỉnh. Cơ bản hoàn thành phổ cập cấp 3 (phổ thông trung học và bổ túc văn hóa) ở Thành phố Biên Hòa, đồng thời tiến hành phổ cập cấp 3 đối với những địa phương đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I/- PHÁT TRIỂN KINH TẾ :

1- Công nghiệp:

Tiếp tục giữ vững và thúc đẩy tốc độ tăng trưởng cao, hướng mạnh về xuất khẩu. Tập trung đầu tư

phát triển các ngành công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến thực phẩm, nông sản; công nghiệp cơ khí; công nghiệp vật liệu xây dựng (bao gồm cả vật liệu mới và trang trí nội thất) và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Chú trọng thu hút vốn đầu tư nước ngoài để mở ra các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ cao như: điện, điện tử, tin học, công nghiệp thu hút nhiều lao động, ít gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống từ hộ gia đình phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ.

- *Đối với công nghiệp chế biến thực phẩm- nông sản*: Chú trọng đầu tư chiều sâu, cải tiến quản lý đối với các doanh nghiệp chế biến hạt điều, bông vải, mía đường, thuốc lá, thức ăn gia súc... để không ngừng mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Xây dựng các phương án và có biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư (kể cả đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài) mở thêm các cơ sở sơ chế, chế biến vừa và nhỏ ở nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, nhằm vừa tăng giá trị sử dụng của nông sản vừa giải quyết việc làm và bố trí lại lao động tại chỗ trong nông nghiệp và nông thôn, tạo điều kiện để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn.

Vận dụng chính sách ưu đãi và trên cơ sở xem

xét hiệu quả kinh tế để có giải pháp tích cực gọi vốn đầu tư trong nước, ngoài nước vào việc mở các cơ sở giết mổ công nghiệp và chế biến thực phẩm đóng hộp từ nguyên liệu của ngành chăn nuôi: heo, gà, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển với tốc độ nhanh hơn.

- *Đối với công nghiệp cơ khí* : Trên cơ sở liên kết, hợp tác giữa các thành phần kinh tế, giữa Trung ương và địa phương, giữa kinh tế trong nước với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để tập trung tăng năng lực chế tạo máy móc thiết bị và các hoạt động dịch vụ sửa chữa phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân. Chú trọng phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp, nông thôn, theo các hướng sau đây:

+ Phát triển có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng thời kỳ, từng vùng cụ thể. Trước mắt là những vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng màu đang thiếu lao động do lao động nông nghiệp chuyển dịch sang sản xuất công nghiệp ở các khu công nghiệp tập trung. Phát triển trọng điểm vào các khâu đang có nhu cầu, theo khả năng thu nhập của hộ nông dân và mức độ đầu tư cải tiến công nghệ của doanh nghiệp.

+ Xây dựng phương án đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ sản xuất để phát huy hiệu quả khả năng chế tạo máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp hiện có của các doanh nghiệp chủ lực Cty Vikyno,

Vinapro, Cty cơ khí thực phẩm, Nhà máy cơ khí
Đông Nai.

+ Trên cơ sở xác định sản phẩm chủ yếu của các doanh nghiệp Trung ương và địa phương trên địa bàn, xây dựng phương án đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, thực hiện chuyển giao công nghệ theo phân công và hỗ trợ nhau sản xuất để đáp ứng yêu cầu về thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp phục vụ các khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, chế biến nông sản.

- *Đối với công nghiệp vật liệu xây dựng:* chú trọng khuyến khích đầu tư chiều sâu, nâng cao công suất khai thác đá, chế biến đá ốp lát ở các cơ sở hiện có. Khuyến khích mở ra các loại vật liệu mới, vật liệu trang trí nội thất (gạch cao cấp, gạch men ceramic, sứ vệ sinh...) với quy mô hợp lý, kỹ thuật và công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và cho xuất khẩu. Phát triển công nghiệp VLXD phải chú ý gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường.

Thực hiện quy hoạch và tổ chức triển khai theo quy hoạch việc sắp xếp ổn định các cơ sở sản xuất gạch ngói.

- *Đối với công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu:* Khuyến khích các cơ sở sản xuất tham gia xuất khẩu, nhất là hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản, thực phẩm và các sản phẩm truyền thống khác.

Đồng thời mở ra các sản phẩm mới có nhu cầu tiêu thụ trên thị trường thế giới. Phát triển các ngành sản xuất dệt, may mặc, giày da... đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước nâng dần chất lượng và từng bước chuyển từ hình thức gia công sang sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh xuất khẩu.

- *Đối với các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng như (sơn, bao bì, quạt điện, giấy, gỗ dân dụng, các mặt hàng từ cao su...):* Chú trọng đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng hàng hóa, tổ chức lại sản xuất để đáp ứng nhu cầu đa dạng về tiêu dùng trong nước, từng bước vươn lên tham gia xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư sản xuất những mặt hàng tiêu dùng mới, đáp ứng nhu cầu thị trường.

2- Đối với các ngành dịch vụ:

Khuyến khích thúc đẩy mở rộng mạng lưới hoạt động thương mại - dịch vụ phong phú, đa dạng, toàn diện với tốc độ tăng trưởng cao hơn theo hướng :

Tổ chức tốt giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, gắn sản xuất với tiêu thụ, tạo mối liên kết gắn bó giữa kinh doanh nội địa và kinh doanh xuất nhập khẩu. Lấy chợ và cụm kinh tế thương mại dịch vụ ở thị trấn làm địa bàn chủ yếu, thúc đẩy phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, hình thành mối liên hệ chặt chẽ giữa sản xuất với mua bán tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp, nông sản thực

phẩm, hàng tiêu dùng.

Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động các DNNN trong kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh bán buôn một số mặt hàng quan trọng: xăng dầu, phân bón, ciment, đường, muối I-ốt, nông sản chủ yếu. Phát triển mạng lưới bán lẻ và hệ thống các đại lý mua bán của thương nghiệp Nhà nước, coi đại lý là phương thức quan trọng để mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường bán lẻ. Thông qua hệ thống đại lý và các hình thức kinh tế tư nhân khác, Thương nghiệp Nhà nước cần thực hiện chức năng hỗ trợ, hướng dẫn, liên kết các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng. Triển khai xây dựng chợ Biên Hòa theo quy hoạch và tiến hành quy hoạch, triển khai thực hiện một số trung tâm thương mại ở thị trấn các huyện.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu, nâng dần tỷ trọng hàng xuất khẩu nông sản thực phẩm đã qua sơ chế và chế biến lên trên 70% năm 2005. Quản lý chặt chẽ nhập khẩu theo hướng khuyến khích nhập khẩu các loại vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị cho sản xuất, hạn chế việc nhập khẩu các loại hàng trong nước đã đủ điều kiện cung ứng.

Tiếp tục củng cố và xây dựng hợp tác xã thương mại theo luật HTX, chú ý mở ra ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa, giải quyết kịp thời nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ở nông thôn. Nâng cao vai trò

của kinh tế tập thể để cùng với DNNN thực sự là lực lượng nòng cốt trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Tiến hành cải tạo, nâng cấp các cơ sở du lịch, khách sạn hiện có. Đồng thời trên cơ sở quy hoạch đã được duyệt, cần có kế hoạch, biện pháp cụ thể để thu hút vốn đầu tư vào các tuyến điểm du lịch đang có lợi thế theo hướng đa dạng hóa kinh doanh du lịch. Tiếp tục mở ra các tour du lịch trong nước và các nước trong khu vực với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn để phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước.

- Đối với hoạt động dịch vụ : mở ra nhanh và tăng cường quản lý Nhà nước đối với các loại hoạt động dịch vụ với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trong đó, tập trung các loại hình dịch vụ : cho thuê nhà ở, dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa các cảng; dịch vụ cung ứng vật tư; các hoạt động dịch vụ tư vấn về đầu tư, xây dựng, công nghệ- thông tin và các loại hình dịch vụ tài chính tiền tệ ... để phục vụ cho nhu cầu ngày càng tăng ở các khu công nghiệp, các khu đô thị, thành phố và nhu cầu của nhân dân.

3. - Nông lâm- ngư nghiệp :

Phát triển nông nghiệp nông thôn một cách toàn diện, hợp lý có hiệu quả theo hướng sản xuất hàng hóa và bền vững. Tập trung đầu tư để làm chuyển biến mạnh hơn cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu

quả kinh tế nhằm làm tăng hiệu quả đầu tư trên đơn vị diện tích và đơn vị sản phẩm. Trong 5 năm tới tiếp tục giữ nhịp độ tăng trưởng của ngành, đồng thời chú trọng tập trung các giải pháp khuyến khích phát triển mạnh hơn ngành chăn nuôi để đến năm 2005 nâng tỷ trọng lên 30% trong cơ cấu nông nghiệp.

a- Trồng trọt :

Định hướng chủ yếu và cơ bản là ổn định diện tích gieo trồng, đầu tư thâm canh là chủ yếu với việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, tổ chức quản lý phòng chống dịch bệnh, cung ứng đủ phân bón và thực hiện tốt công tác khuyến nông để tăng năng suất và chất lượng cây trồng.

- *Đối với nhóm cây lương thực*: Cần tập trung đầu tư thâm canh và giữ ổn định diện tích gieo trồng lúa nước và chuyển một số diện tích lúa ở chân ruộng cao có năng suất thấp sang trồng các loại cây khác có quả kinh tế cao hơn.

- *Đối với cây thực phẩm và công nghiệp ngắn ngày*: Xây dựng vùng luân canh: Bắp (65.000 ha)- bông vải (15.000 ha)- thuốc lá (12.000 ha)- đậu các loại theo hướng xác định rõ ranh giới, quy mô phát triển bắp xen canh hợp lý với thuốc lá, bông vải, đậu nành, đậu các loại... Đặc biệt là địa bàn trồng bắp lai năng suất cao và bông vải trên đất bazan. Nhanh

chóng đưa giống mới có năng suất cao, phẩm chất tốt phù hợp với từng vùng từng địa phương, đồng thời áp dụng các biện pháp thâm canh tổng hợp như: chế độ phân bón, tưới nước, luân canh, phòng trừ dịch bệnh tổng hợp để tăng hệ số sử dụng đất, giảm chi phí đầu tư trên một đơn vị diện tích, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất cây trồng.

Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn và rau sạch ở TP Biên Hòa và các thị trấn ở các huyện có điều kiện.

- *Đối với cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả*: Tiến hành khảo sát, lập luận cứ khoa học phù hợp với thực tế sản xuất từng vùng để xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, quy mô lớn như: Cao su, café, điều, mía, cây ăn quả đặc sản... theo hướng:

+ Tập trung đầu tư vườn cây cao su hiện có gắn với việc đổi mới công nghệ chế biến các sản phẩm mới từ mủ cao su, phấn đấu đạt 62.000 tấn mủ khô vào năm 2005. Riêng việc mở rộng diện tích cao su phải được xem xét và cân nhắc kỹ trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

+ Xây dựng vùng sản xuất café ổn định, đạt sản lượng 36.000 tấn năm 2005. Thực hiện thâm canh tăng năng suất ở vùng đất bazan chủ động được nước tưới. Hạn chế tối đa việc mở rộng diện tích ở nơi không đảm bảo nguồn nước tưới.

+ Tổ chức lại vùng chuyên canh điều trên đất nghèo dinh dưỡng kết hợp với việc phủ xanh đất trống đồi trọc. Giải quyết tốt các vấn đề về nhân giống điều cao sản đối với diện tích dự kiến mở rộng và thay thế cây điều chất lượng kém, năng suất thấp, cải tạo và áp dụng có kết quả về kỹ thuật thâm canh cây điều.

+ Xây dựng các dự án sản xuất mía nguyên liệu cho các nhà máy đường trên địa bàn tỉnh và trong vùng trên diện tích 16.000 ha, đáp ứng đủ nguyên liệu về số lượng và chất lượng. Áp dụng các biện pháp thâm canh cây mía để tăng năng suất và giảm giá thành.

+ Đầu tư xây dựng vùng trồng các loại cây ăn quả đặc sản gắn với cải tạo vườn tạp (bưởi, sầu riêng, nhãn, thanh long, chôm chôm...) để khuyến khích nông dân phát triển kinh tế vườn dưới hình thức chủ yếu là hộ gia đình và trang trại. Khảo sát để có thể mở ra một số cây trồng thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng của tỉnh và thị trường thế giới đang có nhu cầu.

b- Chăn nuôi:

Tập trung phát triển mạnh chăn nuôi heo, bò, gà, ong mật và nuôi trồng thủy sản. Coi trọng đúng mức công tác quy hoạch và xây dựng các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ tiêu dùng và từng bước mở

ra xuất khẩu. Thực hiện các giải pháp đồng bộ về cung ứng thức ăn gia súc và giống có năng suất, chất lượng cao.

Tận dụng mặt nước sông hồ có điều kiện để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng chuyển đổi phương thức nuôi trồng từ quảng canh sang thâm canh gắn với việc quy hoạch bảo vệ môi sinh môi trường.

c- Lâm nghiệp : Triển khai nhanh chương trình trồng rừng theo quy hoạch hàng năm gắn với giao đất, giao rừng ổn định cho nông dân nhằm tăng cường cho việc quản lý, bảo vệ chăm sóc rừng và hỗ trợ công ăn việc làm cho lao động nông lâm nghiệp. Thực hiện nghiêm việc ngăn chặn khai thác gỗ, săn bắn thú rừng trái phép. Động viên khuyến khích nhân dân trồng cây gây rừng che phủ đất trống đồi trọc, làm xanh mát các diện tích đất ngoài quy hoạch rừng. Phấn đấu đến năm 2005 độ che phủ đạt tỷ lệ 38,5%.

Để thực hiện tốt các các nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung thực hiện những giải pháp lớn như sau:

1- Tăng cường năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp và khẩn trương xây dựng lộ trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế:

Căn cứ vào chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của cả nước, cần tiến hành xây dựng lộ trình hội nhập để trên cơ sở đó các ngành,

các đơn vị kinh tế tiến hành cụ thể hóa kế hoạch hội nhập của mình theo hướng:

- Nâng cao nhận thức của các nhà quản lý doanh nghiệp trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế về các cơ hội và thách thức sẽ mang lại, về lịch trình hội nhập và nhu cầu cấp bách tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường nội địa cũng như quốc tế để hội nhập thành công.

- Từng doanh nghiệp phải xây dựng chiến lược sản phẩm theo lộ trình cắt giảm thuế quan, tận dụng tối đa những lợi thế so sánh để đẩy mạnh sản xuất hướng về xuất khẩu. Có kế hoạch đầu tư thích đáng cho các ngành, cơ sở kinh tế trọng điểm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới và ngay thị trường nội địa đang từng bước mở cửa.

- Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất - kinh doanh có đủ trình độ, năng lực và kiến thức để đáp ứng yêu cầu hội nhập.

2 - Tăng cường công tác quy hoạch và đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật :

Trên cơ sở quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt, cần tiếp tục soát xét và hoàn chỉnh quy hoạch của từng ngành, từng huyện và thành phố làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện các quy hoạch theo hướng:

- Thực hiện các biện pháp phân công hợp tác, hỗ

trợ, khai thác mối liên hệ vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là thành phố Hồ Chí Minh để thu hút các doanh nghiệp vào khu công nghiệp tập trung đã được duyệt và thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các cụm công nghiệp huyện đang hình thành.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới dịch vụ vận tải, xăng dầu, giết mổ gia súc, gia cầm. Tiến hành lập các quy hoạch chi tiết về các khu thương mại, dịch vụ (chợ, khách sạn, nhà trọ, ăn uống, giải khát, vui chơi, giải trí và các dịch vụ tài chính, tín dụng, tư vấn đầu tư, tư vấn pháp luật.) tại các thị trấn, trung tâm đô thị và ở các KCN tập trung

- Đầu tư chiều sâu cho các cảng hiện có và tiếp tục thực hiện theo quy hoạch phát triển cảng khi có điều kiện triển khai.

- Tổ chức triển khai xây dựng nhanh các công trình cung cấp nước công nghiệp và dân dụng cho các KCN và khu dân cư; bằng nhiều hình thức huy động vốn để đầu tư mở rộng các cơ sở cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư thị trấn, các vùng nông thôn có đủ điều kiện về nước ngầm, nước mặt...

- Tiếp tục đầu tư mạng lưới điện đến tất cả các vùng. Coi trọng ưu tiên việc nâng cấp các tuyến 1 pha, xây dựng mạng điện 3 pha công nghiệp để phục vụ phát triển nông nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp ở nông thôn theo quy hoạch. Phấn đấu

đến năm 2005 toàn tỉnh có trên 90% hộ sử dụng điện. Nâng cao chất lượng và mở rộng mạng lưới thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia.

- Khẩn trương khảo sát, điều tra lại quỹ đất đai, quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nhất là vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn và dài ngày, vùng phát triển vườn cây ăn quả. Quy hoạch khu vực chăn nuôi tập trung... làm căn cứ cho việc xây dựng các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và bố trí hệ thống các cơ sở công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

- Xây dựng cơ cấu đầu tư hợp lý giữa điều tra, quy hoạch, quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên nước với việc tăng cường đầu tư xây dựng mới, tu sửa, nâng cấp khai thác các công trình thủy nông đã có. Coi trọng kiên cố hóa kênh mương nội đồng theo kế hoạch. Triển khai lập hồ sơ dự án và xây dựng một số công trình chống lũ, ngăn mặn, cải tạo môi trường sinh thái tại các nơi thường xảy ra lũ lụt và nước mặn xâm nhập.

- Tiếp tục đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và 16 xã đặc biệt khó khăn, chủ yếu tập trung phát triển đường giao thông, lưới điện, nước sạch, trường học, trạm xá, chợ... tạo điều kiện cải thiện môi trường và nâng cao đời sống vật chất và

tin thần của nhân dân ở nông thôn.

- Chỉ đạo chặt chẽ công tác quy hoạch, quản lý đô thị, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, công trình kiến trúc và các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn.

3- Bố trí lại cơ cấu đầu tư :

Để tiếp tục giữ được nhịp độ tăng trưởng ổn định và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đã đề ra, cần có giải pháp tạo vốn đầu tư và chuyển mạnh cơ cấu đầu tư một cách hợp lý hơn.

a) Huy động vốn đầu tư:

Tiếp tục vận dụng các chính sách để huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Đối với nguồn ngân sách: Hàng năm dành trên 30% trong tổng chi ngân sách cho đầu tư, trong đó chủ yếu cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật: điện, giao thông, trường học, thủy lợi, cơ sở y tế, công trình văn hóa... Việc đầu tư phải tập trung, không dàn trải, bố trí gọn, dứt điểm từng công trình, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đối với nguồn tín dụng đầu tư : Có biện pháp và hình thức huy động vốn linh hoạt để tăng nhanh nguồn vốn đầu tư trung và dài hạn, kết hợp các nguồn quỹ hỗ trợ đầu tư, triển khai đầu tư cho các dự án đổi mới kỹ thuật, công nghệ... ở tất cả các thành phần kinh tế, nâng tỷ trọng dự nợ tín dụng

trung và dài hạn lên 35- 40% trong tổng dư nợ vào năm 2005.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán để hỗ trợ nguồn vốn đầu tư phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong, ngoài nước cần xây dựng định hướng, chiến lược và tiếp tục cải cách thủ tục hành chính nhất là lĩnh vực đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp theo hướng đơn giản, một đầu mối nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, hiệu quả, đúng pháp luật để huy động tối đa nguồn vốn đầu tư, xem đây là nguồn lực cơ bản quyết định đến sự phát triển kinh tế bền vững.

- Nguồn vốn huy động trong dân: xây dựng các quy chế cụ thể, hợp lý để huy động tối đa các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân vào phát triển kinh tế - xã hội thông qua các chương trình huy động tiết kiệm, chương trình xã hội hóa giáo dục, giao thông, y tế ... đồng thời có biện pháp quản lý và sử dụng các nguồn vốn này một cách hiệu quả, đúng luật, phù hợp với sức dân và công khai dân chủ.

b) Bố trí vốn đầu tư :

Việc bố trí vốn đầu tư cho nền kinh tế của tỉnh phải phù hợp với chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng:

- Ưu tiên đầu tư cho ngành công nghiệp xuất khẩu, công nghiệp chế biến nguyên liệu tại địa phương, có thị trường tiêu thụ, có khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả kinh tế; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí nhất là cơ khí phục vụ nông nghiệp nông thôn, đồng thời chú trọng đầu tư một số ngành công nghiệp kỹ thuật cao, tạo ra mặt hàng mới.

- Vận dụng các chủ trương chính sách để bảo hộ cho một số nông sản thực phẩm chủ lực của tỉnh (bắp, bông vải, mía, cao su, cà phê, hạt điều, cây ăn quả và sản phẩm chăn từ heo, gà) trong thời kỳ chuẩn bị hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

- Đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối và kiên cố hóa kênh mương, hệ thống hạ tầng kỹ thuật xã hội ở nông thôn.

- Chú trọng đầu tư lĩnh vực dịch vụ theo hướng ưu tiên cho các hoạt động dịch vụ phục vụ nhà ở, giao thông, thông tin liên lạc, các khu thương mại, các tuyến điểm du lịch đáp ứng nhu cầu phát triển của các khu công nghiệp và đô thị.

4.- Phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế :

Phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế nhằm giải phóng sức sản xuất, đồng thời chú trọng củng cố, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp để vừa góp phần khuyến khích, thúc đẩy lực lượng sản xuất

phát triển, vừa tạo ra được quan hệ về sở hữu, quan hệ về phân phối mang tính chất XHCN. Theo hướng :

Đối với doanh nghiệp Nhà nước: tiếp tục sắp xếp, đổi mới quản lý doanh nghiệp Nhà nước theo hướng : củng cố và tăng cường các doanh nghiệp quan trọng trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ mà Nhà nước cần chi phối. Khuyến khích tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp đủ điều kiện để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Tiến hành chuyển hình thức sở hữu như: bán, sát nhập, cho thuê hoặc giao cho tập thể cán bộ công nhân viên quản lý đối với các doanh nghiệp còn lại. Kiên quyết xử lý giải thể, phá sản đối với các đơn vị kinh doanh thua lỗ kéo dài, không có khả năng khắc phục.

Đối với kinh tế tập thể : trên cơ sở Luật HTX, tiến hành củng cố, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác và HTX theo luật HTX. Đồng thời khuyến khích thành lập các loại hình kinh tế hợp tác, HTX với những hình thức phong phú, đa dạng phù hợp với ngành nghề và tập quán địa phương.

Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khác đầu tư phát triển trên cơ sở:

- Sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSD đất, xây dựng các quy chế về sử dụng đất, tổ chức thực hiện hợp đồng cho thuê đất theo luật định nhằm tạo điều kiện và khuyến khích phát triển kinh

tế hộ, kinh tế trang trại, mở ngành nghề ở nông thôn với quy mô vừa và nhỏ theo quy hoạch.

- Xác định danh mục đầu tư cần khuyến khích theo thứ tự ưu tiên cùng với việc công bố công khai, rộng rãi định hướng qui hoạch các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp ở các huyện để tạo điều kiện cho nhà đầu tư hiểu và tự do lựa chọn đầu tư.

- Thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ đối với đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính và thực hiện nghiêm quy chế quản lý sau giấy phép theo hướng tạo thuận lợi và quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước nhằm kiểm tra kiểm soát theo pháp luật để uốn nắn các hành vi kinh doanh sai pháp luật, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

5.- Đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại :

Tăng cường giao lưu quốc tế, chú trọng công tác đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng hàng hóa đạt tiêu chuẩn từng thị trường ở từng quốc gia...) để đủ sức vươn lên thâm nhập vào thị trường quốc tế.

Quy định và lập danh mục một số ngành hàng xuất khẩu ưu tiên nhằm có kế hoạch đầu tư thích đáng, từng bước tổ chức thực hiện các quy chế quỹ

hỗ trợ xuất khẩu, gắn các quỹ hỗ trợ đầu tư cho sản xuất với quỹ hỗ trợ xuất khẩu nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên các thị trường trong và ngoài nước.

Ưu tiên cho xuất khẩu nhưng chú trọng khai thác thị trường trong nước. Thành lập cơ quan xúc tiến thương mại để giúp các doanh nghiệp nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường. Đối với thị trường trong nước: cần xác định đây là thị trường chủ yếu tiêu thụ các loại hàng hóa tiêu dùng, vật liệu xây dựng, nông sản thực phẩm. Đối với thị trường nước ngoài : tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường truyền thống, có kế hoạch, biện pháp tiếp thị thâm nhập vào các thị trường mới.

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở kinh tế phải chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động, năng lực quản lý, sản phẩm cạnh tranh nhằm nhanh chóng hội nhập thị trường quốc tế khi nước ta thực hiện các cam kết với các tổ chức kinh tế thương mại thế giới và khu vực như (APEC; WTO; AFTA).

Tăng cường công tác thông tin, hình thành các hiệp hội sản xuất, nghề nghiệp; tổ chức liên kết chặt chẽ trong các hoạt động đầu tư, khai thác, cung ứng chế biến và xuất nhập khẩu để giúp nhau mở rộng thị trường, hình thành thế cạnh tranh trên khu vực, trong và ngoài nước.

Nghiên cứu hình thành các tổ chức dịch vụ và tổ chức môi giới thúc đẩy loại hình khuyến mãi, nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

Tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các công dân trong nước và nước ngoài tích cực đầu tư phát triển kinh tế xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để khuyến khích các cơ sở, các doanh nghiệp tham gia hợp tác quốc tế nhằm tăng cường giới thiệu sản phẩm và xuất nhập khẩu hàng hóa.

II- PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, GIÁO DỤC ĐÀO TẠO:

1- Khoa học công nghệ:

Tiếp tục quán triệt và thực hiện NQ TW2 (khóa VIII) và NQ 13/TU (khóa VI) về định hướng chiến lược phát triển khoa học công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiến hành điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng tiềm lực KH-CN một cách đồng bộ, có luận cứ khoa học vững chắc, phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo, lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền các cấp

Lựa chọn, tiếp thu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để đầu tư đổi mới về thiết bị công nghệ tạo chuyển biến mới về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Chú trọng công tác nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao công nghệ sinh học và kỹ thuật canh

tác tiên tiến vào trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tạo bước nhảy vọt về năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt chú trọng công nghệ bảo quản sau thu hoạch phục vụ xuất khẩu.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đến cuối năm 2005 kiểm soát và xử lý cơ bản các chất thải rắn và lỏng, giảm thiểu đáng kể chất thải khí do công nghiệp gây ra, ngăn chặn triệt để các nguồn chất thải độc hại nguy hiểm. Quản lý tài nguyên, khoáng sản để khai thác và sử dụng có hiệu quả.

Tiếp tục đi sâu nghiên cứu các vấn đề văn hóa, lịch sử, dân tộc, tôn giáo.

Giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục hoàn thiện và từng bước triển khai thực hiện quy hoạch phát triển KH-CN- MT trên từng lĩnh vực, trong đó chú trọng việc nghiên cứu ứng dụng triển khai nhanh công nghệ điện tử, tin học, công nghệ sinh học và xử lý ô nhiễm môi trường

- Từng bước hình thành đội ngũ cán bộ đầu ngành, các chuyên gia, chuyên viên giỏi có trình độ cao. Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu về KH-CN- MT. Hàng năm ngân sách nhà nước dành 2% trong tổng chi ngân sách địa phương và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học- công nghệ- môi trường theo hướng: đầu tư cho lĩnh vực khoa học

ứng dụng triển khai trong nông nghiệp, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng các vấn đề xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, văn hóa, lịch sử, tôn giáo.

- Củng cố và tăng cường công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực KH- CN- MT, nhất là lĩnh vực đo lường chất lượng, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý sở hữu công nghiệp.

2- Giáo dục và đào tạo:

Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo, phấn đấu huy động trên 60% trẻ em trong độ tuổi được học chương trình mẫu giáo, 100% vào lớp 1, trên 95% được học phổ thông trung học cơ sở. Phát triển các loại hình đào tạo đại học, sau đại học và trung học chuyên nghiệp. Tiến hành chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên ở các trường công lập. Thực hiện tốt công tác chống tái mù ở các độ tuổi. Hoàn thành công tác phổ cập trung học cơ sở trong toàn tỉnh, riêng thành phố Biên Hòa hoàn thành phổ cập cấp 3 và mở rộng phổ cập lớp 12 cho công nhân công nghiệp.

Giải pháp thực hiện:

Sớm xây dựng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh giai đoạn 2000- 2020. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục mầm non, tiểu học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất giáo dục ở các vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Khảo sát

và có phương án tổ chức lại loại hình trường ngoài công lập. Củng cố và mở rộng hệ thống trường trung học chuyên nghiệp, đồng thời phối hợp với ngành chức năng để quy hoạch, củng cố, phát triển các trường dạy nghề.

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục đào tạo, chú trọng đúng mức việc đổi mới nội dung giảng dạy chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng đạo đức, lòng yêu nước yêu CNXH cho học sinh. Tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông trung học, bổ túc cơ sở và định hướng vào các trường dạy nghề, trường đại học trong và ngoài nước.

Triển khai quy định của Chính phủ về lập quỹ tín dụng phát triển tài năng cho con em các gia đình khó khăn. Có biện pháp quy hoạch nắm được nhu cầu đào tạo giáo viên hàng năm. Thực hiện chế độ học bổng, ưu đãi cho học sinh sư phạm và có chế độ khuyến khích các học sinh giỏi vào sư phạm, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác lâu dài ở Đồng Nai Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng chuẩn hóa cho giáo viên các cấp.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý ngành. Chấm dứt tình trạng dạy thêm, học thêm trái qui định của Nhà nước. Sớm thành lập và đưa vào hoạt động Hội khuyến học ở các cấp

III- PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HÓA XÃ HỘI:

1/- Thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phòng chống suy dinh dưỡng, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng xâm hại trẻ em

Phấn đấu giảm tỷ lệ tăng tự nhiên dân số đến năm 2005 dưới mức 1,4%. Xây dựng tốt chương trình hành động vì trẻ em, ưu tiên giải quyết các vấn đề có liên quan đến trẻ em trong các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn dưới 25%, giúp đỡ mọi trẻ em được phổ cập giáo dục theo quy định và giảm số trẻ em phạm pháp kể cả số vụ xâm phạm quyền trẻ em.

Tập trung công tác phòng bệnh, chủ động phòng chống các bệnh nghề nghiệp và các bệnh mới phát sinh trong quá trình phát triển công nghiệp, thực hiện nghiêm ngặt vệ sinh an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Tăng cường công tác quản lý và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế (cả nhà nước, dân lập, tư nhân), bố trí đủ cho 100% trạm y tế xã, phường có bác sĩ, triển khai mạnh mẽ việc nghiên cứu, ứng dụng và hiện đại hóa y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại, phấn đấu giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ người mắc và tử vong đối với các bệnh thông thường, thanh toán cơ bản bại

liệt và các bệnh rối loạn do thiếu hụt iode. Tổ chức tốt việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn và hạn chế có hiệu quả các bệnh lây qua đường tình dục và sự lây nhiễm HIV/AIDS ngoài cộng đồng. Phát triển công nghiệp dược địa phương, sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP khu vực.

Giải pháp thực hiện:

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức chăm sóc sức khỏe (nhà nước, dân lập và tư nhân), triển khai xây dựng cơ sở mới cho bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện y học dân tộc, đầu tư trang thiết bị để nâng cao chất lượng hoạt động các bệnh viện chuyên khoa nhi, lao và bệnh phổi, da liễu, tư vấn phòng chống và điều trị bệnh HIV/AIDS và các bệnh viện đa khoa khu vực. Tuyên truyền, vận động sâu rộng thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường đào tạo và giáo dục nâng cao ý thức đội ngũ thầy thuốc.

2/- Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách xã hội

Hàng năm bình quân giải quyết việc làm cho trên 65.000 lao động. Giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm ở thành thị xuống còn ở mức 3%. Tăng cường qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề tại các trường công nhân kỹ thuật trong tỉnh, đào tạo nghề cho người lao động tại các trung tâm và các doanh nghiệp, tăng tỷ lệ